

Bản án số: 131/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 8 - 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Triết M.

2. Ông Huỳnh Văn T.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/6/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 199/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thúy H, sinh năm 1991. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh C.

2. *Bị đơn:* anh Trương Thanh D, sinh năm 1987. (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 18/7/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thúy H trình bày: sau thời gian tìm hiểu, chị H và anh D tiến đến hôn nhân vào năm 2007, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện T, tỉnh A và được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 21/9/2015. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được hai con chung tên Trương Văn H, sinh ngày 05/02/2009 và Trương Thanh T, sinh ngày 14/8/2015. Đến năm 2012, chị H và anh D đi Đ để làm thuê, trong thời gian này

anh D không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, mọi chi tiêu trong gia đình đều do chị H gánh vác. Mặc dù chị H nhiều lần khuyên ngăn, gia đình hai bên hòa giải nhưng anh D vẫn không thay đổi. Đến tháng 6 năm 2020 thì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng nên anh D về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay; riêng cháu H và cháu T sống chung với chị H. Đến tháng 4 năm 2022, anh D lên Đ để thăm con và rước hai con về sống chung với cha mẹ ruột của anh D. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: chị H yêu cầu được ly hôn với anh Trương Thanh D.

- Về con chung: chị H đồng ý cho anh D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu T. Chị và anh D tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn anh Trương Thanh D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền của mình.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều: 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: chị H được ly hôn với anh D.

+ Về con chung: giao cháu Trương Văn H, sinh ngày 05/02/2009 và Trương Thanh T, sinh ngày 14/8/2015 cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

+ Về án phí: chị H yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trương Thanh D có địa chỉ tại xã Đ , huyện T , tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn anh Trương Thanh D đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập anh D đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thúy H và anh Trương Thanh D chung sống với nhau từ năm 2007, đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn nên được Ủy ban nhân dân xã Đ , huyện T , tỉnh A cấp giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 21/9/2015. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thúy H và anh Trương Thanh D phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị H thấy rằng, chị với anh D chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị H cho rằng, anh D không quan tâm đến gia đình, thường xuyên uống rượu, có lời lẽ xúc phạm chị, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh D , tạo điều kiện cho anh D và chị H hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, anh D không đến tham gia các phiên hòa giải và cũng không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được chung sống với chị H .

[3.3] Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 15/6/2022, được đại diện Ban ấp H, xã Đ , huyện T cung cấp như sau: anh Trương Thanh D có đăng ký hộ khẩu tại ấp H, xã Đ , huyện T , tỉnh A. Anh D và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ , huyện T , tỉnh A. Mâu thuẫn gia đình thì địa phương không biết rõ.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh D bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Mặc dù được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh D . Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thúy H .

[5] Về quan hệ con chung: chị H và anh D có 02 (hai) con chung tên Trương Văn H , sinh ngày 05/02/2009 và Trương Thanh T, sinh ngày 14/8/2015,

đang được anh D nuôi dưỡng. Chị H đồng ý cho anh D tiếp tục nuôi con; không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu H và cháu T đang được anh D nuôi dưỡng. Do vậy, để ổn định cuộc sống và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của các cháu; căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Trương Văn H và Trương Thanh T cho anh D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: chị H yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thúy H .

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thúy H được ly hôn với anh Trương Thanh D .

Giấy chứng nhận kết hôn số 149, ngày 21/9/2015 của Ủy ban nhân dân xã Đ , huyện T , tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: chị H và anh D có hai con chung tên Trương Văn H , sinh ngày 05/02/2009 và Trương Thanh T , sinh ngày 14/8/2015.

Giao cháu Trương Văn H và cháu Trương Thanh T cho anh Trương Thanh D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (cháu H và cháu T đang sống chung với anh D). Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Thanh D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Nguyễn Thúy H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

1.3. Về tài sản chung: không có.

1.4. Về nợ chung: ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Nguyễn Thúy H và anh Trương Thanh D vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thúy H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0009322 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A (chị H đã nộp xong).

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (để biết);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn H